

Số: 409/QĐ-TH

Hòa Lợi, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026
của Trường Tiểu học Hòa Lợi

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC HÒA LỢI

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND phường Hòa Lợi về việc thành lập Trường Tiểu học Hòa Lợi thuộc Ủy ban nhân dân phường Hòa Lợi trên cơ sở tổ chức lại Trường Tiểu học Hòa Lợi thuộc Ủy ban nhân dân phường Hòa Lợi khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 về dự toán thu NSNN trên địa bàn; dự toán thu, chi và phương án phân bổ ngân sách phường Hòa Lợi năm 2026 của phường Hòa Lợi.

Xét đề nghị của Bộ phận Kế toán Trường Tiểu học Hòa Lợi

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ dự toán thu NSNN trên địa bàn; dự toán thu – chi ngân sách địa phương năm 2026 và phân bổ ngân sách phường Hòa Lợi năm 2026 cho Trường Tiểu học Hòa Lợi theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu NSNN trên địa bàn; dự toán thu – chi ngân sách địa phương năm 2026 và phân bổ ngân sách phường Hòa Lợi năm 2026 được giao. Hiệu trưởng, kế toán trường Tiểu học Hòa Lợi thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Hiệu trưởng, bộ phận kế toán và các bộ phận chuyên môn có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- PGD số 19 - Kbnk Khu vực số II
- Phòng kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
- Lưu: VT, KHTV.



Nguyễn Hữu Tài

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU , CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị : Trường Tiểu học Hòa Lợi

Mã số : 1033064 Chương : 622 Khoản : 072

(Kèm theo quyết định số: 405 ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng trường tiểu học Hòa Lợi)



STT	NỘI DUNG CHI	TỔNG SỐ (THEO QĐ PHÂN BỐ DỰ TOÁN MỚI của đơn vị)	TỔNG SỐ (THEO QĐ PHÂN BỐ DỰ TOÁN TRƯỚC ĐÓ của đơn vị)	Chênh lệch (tăng / giảm)	Ghi chú
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	23.141.951.815	0	23.141.951.815	
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ / kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	8.762.599.560	0	8.762.599.560	
1.1	Chi lương ,phụ cấp các khoản đóng góp theo lương (Mức lương 1.490.000đ)	5.454.916.107		5.454.916.107	
1.2	Chi lương ,phụ cấp các khoản đóng góp theo lương (Mức lương 850.000đ)	3.111.864.893		3.111.864.893	
1.3	Tổng kinh phí hoạt động (đã trừ tiết kiệm 10% CCTL, 10% ASXH)	195.818.560		195.818.560	
	Trong đó: đã trừ				
	+ Tiết kiệm 10% để tạo nguồn Cải cách tiền lương theo quy định là 171.335.600 đồng.			0	
	+ Tiết kiệm 10% để bổ sung nguồn chi ASXH theo NQ 245/2025/QH15 ngày 13/11/2025 là 154.202.040 đồng.				
2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ / kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	14.379.352.255		14.379.352.255	
2.1	Khen thưởng theo NĐ 73	486.444.000		486.444.000	Nguồn 18
2.2	Thu nhập tăng thêm theo NQ 27 Biên chế	7.572.966.000		7.572.966.000	Nguồn 14 TTN NQ 27
2.3	Hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND	1.192.000.000		1.192.000.000	
2.4	Tính giản Biên chế theo NĐ 154	780.000.000		780.000.000	
2.5	Kinh phí hoạt động 60.000 đ/học sinh	80.433.000		80.433.000	

2.6	Mua sắm, sửa chữa 15 trđ/lớp	435.000.000		435.000.000	
2.7	Kinh phí Hỗ trợ học phí theo NQ40 và NQ41 (9 tháng)	1.192.000.000		1.192.000.000	
2.8	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 3/9/2025	20.250.000		20.250.000	
2.9	Kinh phí Thừa giờ	1.671.457.255		1.671.457.255	
2.10	Lương hợp đồng chuyên môn theo NĐ 111 (9 tháng)	848.362.000		848.362.000	
2.11	Chi nghiệp vụ chuyên môn khác	100.440.000		100.440.000	